

VAI TRÒ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Văn Phúc*

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học công nghệ của cả nước. Với vị trí địa lý hết sức thuận lợi, TP.HCM nằm ở trung tâm của miền Đông Nam bộ và giáp với các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, với diện tích trên 2.000 km² chiếm 0,6% diện tích của cả nước, dân số năm 2004 trên 6 triệu người, tốc độ phát triển kinh tế của thành phố bình quân từ năm 1991 đến năm 2004 trên 11% cao nhất so với cả nước, tỷ trọng GDP chiếm trong tổng GDP cả nước năm 2004 trên 21%. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối tốt và đồng bộ, thông tin liên lạc tương đối hiện đại, đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho việc đầu tư, phát triển và mở rộng thị trường. Qua 15 năm phát triển (1990 - 2005) tốc độ và tỷ trọng phát triển kinh tế tăng không ngừng, điều này chứng tỏ TP.Hồ Chí Minh là nơi có hoạt động kinh tế năng động nhất trong cả nước. Theo kế hoạch và dự báo phát triển từ nay đến năm 2010, TP.Hồ Chí Minh vẫn giữ một vị trí quan trọng, là trung tâm kinh tế lớn của cả nước cũng như của khu vực các tỉnh phía Nam, vẫn là nơi duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao ở mức 13%.

Thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát

triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư nhân tại TP.Hồ Chí Minh nói riêng đã phát triển và lớn mạnh nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế tư nhân góp phần khai thác các tiềm lực thức đẩy tăng trưởng kinh tế thành phố, số lượng các doanh nghiệp tư nhân tăng không ngừng tính đến tháng 7 năm 2005 tại TP. HCM hiện có hơn 50.000 doanh nghiệp với tổng vốn khoảng gần 100.000 tỷ đồng chiếm khoảng 15% vốn đầu tư. Tốc độ tăng trưởng về GDP của kinh tế tư nhân tăng liên tục trong các năm với tốc độ tăng bình quân từ năm 2000 đến 2004 khoảng 11%, riêng năm 2004 là 13% đóng góp vào GDP của thành phố 41,7%. Tỷ trọng các ngành của kinh tế tư nhân tại thành phố tăng liên tục và chiếm tỷ trọng lớn, tính đến năm 2005 tỷ trọng công nghiệp chiếm 36,8%, thương mại chiếm 68%, xuất nhập khẩu chiếm 49%, dịch vụ nhà hàng khách sạn chiếm trên 85%, đã tạo ra một khối lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động chiếm tới 75% trong tổng số người có việc làm, góp phần không nhỏ cho việc ổn định chính trị xã hội của thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh tế tư nhân hoạt động hầu hết trên mọi ngành, mọi lĩnh vực,

góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế tạo nên cơ cấu kinh tế hợp lý, mở rộng quan hệ kinh tế với các vùng lãnh thổ và tăng cường kinh tế đối ngoại của thành phố với các nước trong vùng, trên thế giới.

Từ khi 2 Luật ngân hàng được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998 cùng với hàng loạt các văn bản hướng dẫn sau luật, hệ thống ngân hàng đã dần hoàn thiện và đáp ứng các yêu cầu về mặt tổ chức, do vậy mà có những chuyển biến nhanh chóng trong hoạt động huy động vốn, tạo được nguồn vốn cho công tác tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế thế giới.

Thực trạng hoạt động và vai trò của tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh những năm gần đây có thể rút ra những đánh giá cơ bản sau đây:

1. Mức cho vay còn thấp so với nhu cầu vốn của các doanh nghiệp tư nhân.

Kinh tế tư nhân tuy có phát triển nhưng quy mô vốn của doanh nghiệp tư nhân còn quá thấp và chủ yếu là dựa vào vốn tự có của chủ doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp tư nhân vốn tự có chiếm trên 70% còn các cơ

Đại học Ngân hàng TP.HCM ()*

sở sản xuất kinh doanh hầu như là 100%, trong khi đó nhu cầu về vốn cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh, hiện đại hóa công nghệ của kinh tế tư nhân là rất lớn, đòi hỏi phải có sự tài trợ của các tổ chức tài chính và đặc biệt là hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM).

Theo báo cáo của (Ngân hàng Nhà nước) NHNN TP.HCM thì tình hình dư nợ cho vay đối với kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố năm 2001 đạt mức 18.918 tỷ VND chiếm 33,67%, đến năm 2004 tăng lên 64.495 tỷ VND chiếm 47,21% và năm 2005 là 85.154 tỷ chiếm tỷ trọng 48,5%, nhưng so với nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố là khoảng 1.100.000 tỷ VND thì quả chẳng thấm thía gì. Dù vậy, trong các mối quan hệ giữa các tổ chức tài chính và các đơn vị kinh tế tư nhân thường không được các tổ chức tài chính quan tâm, các tổ chức tài chính thường né tránh các nhu cầu về vay vốn của các đơn vị này hoặc đưa ra những điều kiện khắt khe hơn, các chính sách cứng rắn hơn đối với các đơn vị kinh tế tư nhân nhằm từ chối việc tài trợ, bởi rủi ro trong hoạt động cho vay đối với kinh tế tư nhân tiềm ẩn rất lớn. Như vậy, vai trò cung ứng vốn cho hoạt động kinh tế tư nhân của tín dụng ngân hàng tại TP.HCM là chưa đảm bảo, các doanh nghiệp kinh tế tư nhân đang quá đói vốn, còn các NHTM lại thờ ơ, ít đếm xỉa tới nhu cầu vốn của các doanh nghiệp tư nhân.

Trong tổng số dư nợ vay đến cuối tháng 12 năm 2005, dư nợ cho vay ngắn hạn đối với kinh tế tư nhân là 102.370 tỷ VND chiếm tỷ trọng là 58,31%. Mức dư nợ vay trung, dài hạn là 73.205 tỷ VND chiếm một tỷ trọng 41,69%, trong khi đó các doanh nghiệp tư nhân trong quá trình thành lập mới là chủ yếu cần một lượng vốn để xây dựng cơ sở sản xuất, mua sắm thiết bị là rất lớn khoảng 500.000 tỷ VND, nhất là kinh tế tư nhân trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu và quy hoạch thành khu công nghiệp lại đòi hỏi một lượng vốn trung, dài hạn. Bởi cho vay trung, dài hạn thời gian cho vay dài, rủi ro tiềm ẩn lớn và mức độ tín nhiệm của kinh tế tư nhân đối với thị trường cũng như các NHTM chưa cao.

2. Cơ cấu cho vay giữa đồng Việt nam và ngoại tệ còn bất hợp lý.

Doanh nghiệp tư nhân hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số doanh nghiệp có quy mô lớn rất ít, nhưng không phải vì vậy mà kinh tế tư nhân không có khả năng thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và các định vụ có liên quan tới ngoại tệ. Thực tế các năm qua cho thấy các NHTM tại TP.HCM đã chứng minh rằng doanh nghiệp tư nhân không những có khả năng thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu mà còn làm tốt hơn các doanh nghiệp thuộc các

thành phần kinh tế khác trên một số lãnh vực. Tuy nhiên, khả năng tài chính của các doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân còn hạn chế và cần có sự tài trợ của hệ thống ngân hàng, nhưng các NHTM rất thờ ơ trước những nhu cầu bức bách về vốn của các doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân, chưa thể hiện hết vai trò của NHTM đối với việc cung ứng vốn cho các doanh nghiệp tư nhân trên lãnh vực xuất nhập khẩu thể hiện qua việc cho vay bằng ngoại tệ đối với doanh nghiệp tư nhân. Trong tổng dư nợ cho vay đối với kinh tế tư nhân là 85.154 tỷ năm 2005 của các NHTM tại TP.HCM thì dư nợ cho vay đối với kinh tế tư nhân bằng VND là 72.551 tỷ chiếm tới 85,2% còn cho vay bằng ngoại tệ là 12.603 tỷ chỉ chiếm một tỷ trọng quá nhỏ 14,8%, trong khi đó nhu cầu vốn cho công tác xuất, nhập khẩu của kinh tế tư nhân trong năm 2005 của các doanh nghiệp tư nhân cần khoảng 45.000 tỷ. Chính điều này đã làm hạn chế khả năng nghiên cứu thị trường của các doanh nghiệp tư nhân, dẫn tới các doanh nghiệp tư nhân thường bị thua thiệt rất lớn so với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác và cũng làm cho năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân yếu đi đáng kể.

3. Hình thức cho thuê tài chính có xu hướng phù hợp với kinh tế tư nhân tại TP.HCM.

Cho thuê tài chính là một trong những hình thức tài trợ vốn cho doanh nghiệp để mua sắm tài sản cố định, năng cao năng

lực sản xuất, hình thức này đã xuất hiện từ lâu nhưng chưa được áp dụng phổ biến. Từ khi luật doanh nghiệp ra đời và nhất là luật kế toán ra đời hình thức này được kinh tế tư nhân nói chung, các doanh nghiệp tư nhân nói riêng sử dụng rộng rãi và có xu hướng phát triển mạnh.

Tình hình cho thuê tài chính đối với kinh tế tư nhân của các NHTM tại TP.HCM qua các năm.

Khu vực kinh tế	2003		2004		2005	
	Mức cho thuê TC (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)	Mức cho thuê TC (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)	Mức cho thuê TC (tỷ đ)	Tỷ trọng (%)
Kinh tế Nhà nước và tập thể	25	2,5	77	3,0	94	3,5
Kinh tế tư nhân	931	92	2.360	94,4	2.554	95,1
Khu vực DTNN	59	5,5	62	2,6	38	1,4
TỔNG CỘNG	1.015	100	2.499	100	2.686	100

Nguồn: Báo cáo NHNN TP.HCM các năm 2003 đến 2005

Do quá bức bách về vốn mà các doanh nghiệp tư nhân phải đến gõ cửa các NHTM, nhưng do bị các NHTM từ chối cho vay với nhiều lý do, do vậy các doanh nghiệp tư nhân phải chịu vay dưới hình thức thuế tài chính mặc dù biết lãi suất của hình thức này là cao hơn so với các hình thức vay khác. Tuy nhiên đối với hình thức này lại rất phù hợp với kinh tế tư nhân hiện nay vì thủ tục dễ dàng và không cần tài sản thế chấp.

Tình hình thuê mua tài chính của kinh tế tư nhân từ năm 2003 đến năm 2005 về quy mô và tỷ trọng luôn tăng. Năm 2002 thuê mua tài chính của kinh tế tư nhân là 931 tỷ VND chiếm tỷ trọng 92% trong tổng thuê mua tài chính thì đến năm

hạn và tỷ trọng nợ quá hạn của kinh tế tư nhân trong tổng nợ quá hạn của các NHTM tại TP.HCM là rất lớn.

Tình hình nợ quá hạn của NHTM tại TP.HCM năm 2001 là 916 tỷ với tỷ lệ 3,02% giảm dần tới năm 2004 là 572 tỷ với tỷ lệ 1,33%, trong đó tỷ trọng nợ quá hạn của kinh tế tư nhân chiếm 53,91% năm 2001 và giảm dần còn 31,58% năm 2004. Mặc dù tỷ lệ nợ quá hạn có giảm nhưng mức nợ quá hạn lại tăng và ở mức cao, năm 2001 nợ quá hạn là 1.699 tỷ năm 2004 tăng lên mức là 1.811 tỷ, đến năm 2005 mức nợ quá hạn tăng mạnh lên tới 13.807 tỷ, tỷ lệ nợ quá hạn là 7,86%.

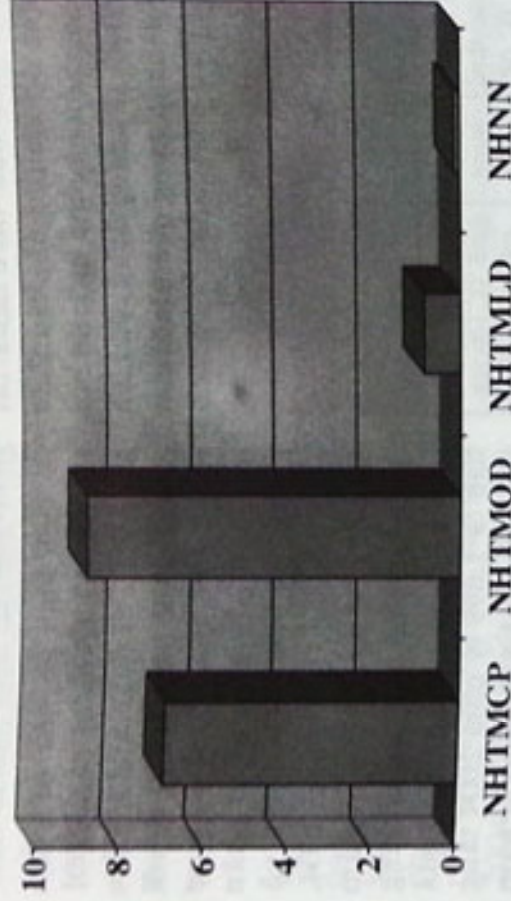
Nợ quá hạn xảy ra ở tất cả các ngân hàng và trên mọi thành phần kinh tế, tuy nhiên tỷ lệ nợ quá hạn đối với từng loại ngân hàng và từng thành phần kinh tế không giống nhau. Đối với kinh tế tư nhân được tất cả các loại ngân hàng cho vay, nhưng nợ quá hạn chủ yếu tập trung vào NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần. (Xem Sơ đồ sau)

Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay đối với kinh tế tư nhân tại các loại NHTM là tương đối cao, năm 2005 tỷ lệ nợ quá hạn của các NHTM cổ phần đối với kinh tế tư nhân là 7,00%; của hệ thống NHTM Nhà nước là 8,87%; của các NHTM liên doanh là 0,89% và của các NHTM nước ngoài là 0,13%, nhưng số nợ quá hạn chủ yếu tập trung vào NHTMCP chiếm 61,36% và NHTM Nhà nước chiếm 37,76%, còn đối với NHTM liên doanh và NHTM nước ngoài không đáng kể. Đây chính là những trở ngại cho mối

4. Rủi ro tín dụng đang là mối trở ngại lớn đối với kinh tế tư nhân trong các mối quan hệ với các NHTM tại TP.HCM.

Nợ quá hạn hay còn gọi là nợ khó đòi, nợ không thanh toán... nhưng tư lại là các khoản tín dụng Ngân hàng không được hoàn trả đúng hạn. Nợ quá hạn là vấn đề tự nhiên, tất yếu, hợp với quy luật phát triển kinh tế, gắn liền với rủi ro trong hoạt động của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Song vấn đề trở lên nghiêm trọng khi mà mức độ nợ quá hạn vượt quá ngưỡng của sự an toàn, vấn đề trở nên đáng lo ngại của vài năm gần đây là tình hình nợ quá hạn có xu hướng giảm nhưng lại mang tính phổ biến ở các NHTM. Theo báo cáo của NHNN TP.HCM thì hầu hết các NHTM đều có nợ quá

Tình hình nợ quá hạn của kinh tế tư nhân tại các NHTM TP.HCM năm 2005 (%)



Nguồn: Báo cáo NHNN TP. HCM năm 2005

quan hệ giữa kinh tế tư nhân với các tổ chức tài chính mà chủ yếu là mối quan hệ với hệ thống NHTM, nó cũng chính là nguyên nhân của sự tránh né giữa hệ thống NHTM với các doanh nghiệp tư nhân, đồng thời cũng là cơ sở để xem xét lại hệ thống quản lý rủi ro, trình độ quản lý của hệ thống NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần.

Những nguyên nhân cơ bản của sự hạn chế trong hoạt động tín dụng đối với phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn TP. HCM thời gian qua... (Xem tiếp kỳ sau) ■

TOÀN CẦU HÓA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH...

(Tiếp theo trang 21)

Và trên thực tế, những nước thành công chính là những nước biết kết hợp cả hai cách vay vốn nước ngoài và tiết kiệm trong nước với điển hình là Nhật Bản, một nước hoàn toàn kiệt quệ sau thế chiến thứ 2. Khi vay vốn nước ngoài, ta phải tính đến thời điểm phải trả cả gốc và lãi. Trên lý thuyết, các nước đang phát triển vay vốn nước ngoài sẽ sinh lợi, vì với một trình độ công nghệ tương đương, ở những nước có khối lượng vốn/đầu người thấp luôn có lợi tức vốn cao, do quy luật về sản phẩm biên giảm dần của tư bản. Trên thực tế, có những trở ngại lớn cản trở quá trình hiện thực hóa lý thuyết này. Đó là hiệu quả sử dụng vốn không tối ưu tại các

nước đang phát triển, do chiến lược đầu tư không đúng, do môi trường đầu tư và cả những biến động chính trị. Nhưng trở ngại lớn nhất là tham nhũng, khi người đi vay là Chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước ở các nước đang phát triển. Một phần lớn những khoản tham nhũng ấy không tham gia vào nền kinh tế trong nước, mà để nhà rời hoặc được gửi tại ngân hàng của các nước phát triển với lãi suất thấp hơn lãi suất đi vay. Điều đó dẫn đến tình trạng gia tăng nợ nước ngoài, nợ không có khả năng thanh toán và khủng hoảng nợ nước ngoài tại nhiều nước.

Để không sa lầy vào khủng hoảng nợ, trước và trong khi sử dụng vốn nước ngoài, các nước

đang phát triển cần phải quan tâm đến việc tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn, chống thất thoát vốn cũng như tình trạng vốn nhàn rỗi. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị, vì để giải quyết được vấn đề trên, cần có năng lực kinh doanh, môi trường kinh doanh, chính sách kinh tế và thể chế chính trị tốt ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Nữ Viên, Toàn cầu hóa, nghịch lý của thế giới tư bản chủ nghĩa, NXB thống kê, 2003, Hà Nội.
2. PGS.TS Trần Đình Thiên, Liên kết kinh tế ASEAN - Vấn đề và triển vọng, Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện kinh tế Việt Nam, NXB Thế giới 2005.